

TÓM TẮT

NGHI ĐỊNH SỐ: 23/2009/NĐ-CP

Ngày ban hành : ngày 27 tháng 02 năm 2009

Ngày hiệu lực : từ ngày 01 tháng 5 năm 2009

NỘI DUNG : HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Hành vi	Mức phạt (Triệu đồng)	Tham chiếu
I	QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ		
1	Công tác khảo sát xây dựng		Điều 6
	Không phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng hoặc phương án bổ sung nhiệm vụ khảo sát trước khi nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng	10 - 20	
	Để thất lạc các mốc, cao độ khi đã được nhà thầu khảo sát xây dựng bàn giao		
	Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát không đúng trình tự, thủ tục quy định		
	Không lưu trữ kết quả khảo sát theo quy định		
	Tự thực hiện khảo sát xây dựng khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định	30 - 40	
	Không thực hiện giám sát khảo sát xây dựng theo quy định		
	Không tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng		
2	Công tác lập dự án		Điều 7
	Tự thực hiện lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định	30 - 40	
3	Thiết kế, dự toán xây dựng công trình		Điều 8
	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình không đúng trình tự, thủ tục quy định	20 - 30	
	Không lưu trữ hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình		
	Sửa chữa, bổ sung thiết kế làm thay đổi thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật không được nhà thầu thiết kế chấp thuận		

	Tự thực hiện thiết kế xây dựng công trình khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định	30 - 40	
4	Công tác khởi công xây dựng công trình		Điều 10
	Không thông báo ngày khởi công bằng văn bản cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình trước 7 ngày theo quy định	0.5 - 02	
	Khởi công xây dựng công trình khi chưa đủ điều kiện khởi công	15 - 20	
4	Công tác trật tự xây dựng		Điều 11
	Xây dựng sai nội dung giấy phép:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	01 - 02	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	05 - 10	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	20 - 30	
	Xây dựng không có giấy phép:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	02 - 03	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	10 - 15	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	30 - 40	
	Tổ chức thi công xây dựng sai thiết kế được thẩm định, phê duyệt; xây dựng sai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng	30 - 40	
	Xây dựng công trình không che chắn; để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh; để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định:		
	Nhà ở riêng lẻ	01 - 02	
	Công trình khác	05 - 10	
	Xây dựng gây lún, nứt công trình lân cận:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	01 - 02	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	05 - 10	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	15 - 20	
	Quản lý chất lượng công trình gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	05 - 10	

	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	15 - 20	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	20 - 30	
5	Công tác giải phóng mặt bằng xây dựng công trình		Điều 12
	Tổ chức giải phóng mặt bằng xây dựng sai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt	10 - 15	
	Thực hiện đền bù tài sản để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình sai quy định		
6	Công tác giám sát thi công xây dựng công trình		Điều 13
	Không treo biển báo tại công trường thi công hoặc biển báo không đầy đủ nội dung theo quy định	10 - 20	
	Không lưu trữ kết quả giám sát thi công xây dựng công trình		
	Không kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng như: nhân lực; thiết bị thi công; hệ thống quản lý chất lượng; giấy phép sử dụng máy móc thiết bị; chất lượng vật tư vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình		
	Không kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu; không lập nhật ký giám sát thi công xây dựng công trình; không đóng dấu xác nhận vào bản vẽ thiết kế thi công trước khi đưa ra thi công		
	Tự giám sát thi công xây dựng nhưng không đủ điều kiện năng lực theo quy định hoặc không tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định, trừ nhà ở riêng lẻ	30 - 40	
7	Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng		Điều 14
	Không gửi báo cáo kết quả chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng cho Sở Xây dựng	05 - 10	
	Không lưu trữ hồ sơ công trình xây dựng theo quy định		
	Không gửi báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng cho Sở Xây dựng		
	Không báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý xây dựng theo quy định khi xảy ra sự cố công trình	10 - 15	
	Không thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng theo quy định	15 - 20	

	Không mua bảo hiểm công trình theo quy định		
	Không thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực trước khi đưa vào sử dụng đối với các hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa đối với người, tài sản, môi trường theo quy định	20 - 30	
	Không thuê tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực theo quy định để kiểm định chất lượng công trình trong trường hợp công trình xảy ra sự cố	30 - 40	
	Thi công xây dựng công trình sai quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng được quy định trong hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt	50 - 60	
7	Công tác bảo trì công trình xây dựng		Điều 15
	Sử dụng công trình xây dựng không tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy trình bảo trì do nhà thầu thiết kế xây dựng lập	20 - 30	
II	QUI ĐỊNH CHUNG VỀ NHÀ THẦU		
1	Điều kiện hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng		Điều 17
	Mượn, cho mượn; thuê, cho thuê chứng chỉ hành nghề	05 - 10	
	Hoạt động vượt quá điều kiện năng lực hành nghề theo quy định; hoạt động sai chứng chỉ hành nghề; hoạt động không có chứng chỉ hành nghề		
	Giao cho người không có chứng chỉ hành nghề hoặc không đủ điều kiện năng lực tương ứng với loại, cấp công trình đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng; chủ trì thiết kế chuyên ngành đồ án quy hoạch xây dựng; chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm thiết kế xây dựng công trình; chủ trì thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình; chủ nhiệm lập dự án; giám đốc tư vấn quản lý dự án; chỉ huy trưởng công trường; chủ trì thẩm tra thiết kế; chủ trì thẩm định thiết kế công trình	30 - 40	
	Hoạt động xây dựng vượt quá điều kiện năng lực theo quy định		
2	Vi phạm các nội dung trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng giao nhận thầu		Điều 18
	Bố trí người, trang thiết bị không đúng với hồ sơ đã trúng thầu và nội dung hợp đồng giao nhận thầu khi	20 - 30	

	chưa được chủ đầu tư chấp thuận		
3	Vi phạm quy định về quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng, sử dụng số liệu, tài liệu không hợp lệ trong hoạt động xây dựng		Điều 19
	Sử dụng kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm chưa được hợp chuẩn hoặc thiếu các kết quả thí nghiệm theo quy định	10 - 15	
	Sử dụng số liệu, tài liệu không có nguồn gốc, thiếu căn cứ pháp lý, không chính xác hoặc sử dụng số liệu không phù hợp với địa điểm khảo sát	15 - 20	
	Áp dụng sai quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng được quy định	50 - 60	
4	Vi phạm quy định về chế độ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp		Điều 20
	Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định	10 - 15	
5	Vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng công trình xây dựng		Điều 21
	Không tự tổ chức nghiệm thu hoặc tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng sai quy định		
	Không lập các văn bản, tài liệu, bản vẽ liên quan đến công trình xây dựng bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đối với trường hợp chủ đầu tư, nhà thầu là người nước ngoài	10 - 15	
	Kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình theo quy định	15 - 20	
	Nghiệm thu không		
	Tổ chức bàn giao công trình cho chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình khi chưa tổ chức nghiệm thu theo quy định	80 - 100	
III	QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TỪNG NHÀ THẦU		
1	Nhà thầu khảo sát xây dựng		Điều 22
	Sử dụng phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát chưa được công nhận hợp chuẩn	20 - 30	
	Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn khảo		

	chất ...) ở khu vực khảo sát		
	Lập phương án khảo sát không đầy đủ nội dung, không đúng theo quy định	30 - 40	
	Triển khai khảo sát khi chưa có nhiệm vụ khảo sát, phương án khảo sát xây dựng được phê duyệt; vi phạm trình tự khảo sát theo quy định		
	Không thực hiện đúng nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt		
	Báo cáo tài liệu, số liệu khảo sát không trung thực, không đúng quy định dẫn tới phải điều chỉnh thiết kế 02 lần trở lên	80 - 100	
2	Nhà thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng		Điều 23
	Có hành vi kéo dài thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng quá các thời hạn quy định kể từ ngày ký hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> a. 6 tháng đối với lập nhiệm vụ quy định xây dựng vùng; b. 4 tháng đối với lập nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị; c. 2 tháng đối với lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị. 	08 - 10	
	Có hành vi kéo dài thời gian lập đồ án quy hoạch xây dựng quá các thời hạn quy định kể từ ngày ký hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> a. 18 tháng đối với lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng; b. 12 tháng đối với lập đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị; c. 9 tháng đối với lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; d. 6 tháng đối với lập đồ án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn. 	15 - 20	
	Tư vấn lập hồ sơ đồ án quy hoạch và tổng mặt bằng xây dựng công trình không đúng quy định	15 - 20	

3	Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình		Điều 24
	Lập hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định	08 - 10	
	Phát hành hồ sơ thiết kế xây dựng công trình khi chưa có kết quả khảo sát địa chất công trình hoặc không phù hợp với kết quả khảo sát theo quy định	30 - 40	
	Không thực hiện giám sát tác giả theo quy định	15 - 20	
	Thực hiện hợp đồng giám sát thi công xây dựng đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước do mình thiết kế		
	Không tham gia nghiệm thu công trình xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư		
	Thực hiện bước thiết kế tiếp theo khi bước thiết kế trước chưa được phê duyệt		
	Chỉ định nhà sản xuất vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng công trình trong hồ sơ thiết kế	20 - 30	
	Không đưa các tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng sử dụng của thiết bị, vật tư, cấu kiện vào hồ sơ thiết kế	30 - 40	
	Không lập quy trình bảo trì đối với các công trình theo quy định phải lập quy trình bảo trì		
4	Nhà thầu thi công xây dựng công trình		
a	Về trật tự xây dựng:		Điều 25
	Thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép được cơ quan thẩm quyền cấp:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	01 - 02	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	05 - 10	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	20 - 30	
	Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	02 - 03	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	10 - 15	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	20 - 30	
	Thi công xây dựng sai thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt; xây dựng sai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng	30 - 40	

	Thi công xây dựng không che chắn để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh; để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định:		
	Nhà ở riêng lẻ	01 - 02	
	Công trình khác	05 - 10	
	Tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm các quy định về xây dựng gây lún, nứt công trình lân cận:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	01 - 02	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	05 - 10	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	20 - 30	
	Tổ chức thi công xây dựng vi phạm quản lý chất lượng công trình gây sụp đổ công trình lân cận:		
	Nhà ở riêng lẻ ở nông thôn	05 - 10	
	Nhà ở riêng lẻ ở đô thị	15 - 20	
	Công trình khác ở nông thôn và đô thị	30 - 40	
b	Về an toàn trong thi công xây dựng công trình		Điều 26
	Không trang bị đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động trong công trường xây dựng; lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công mà không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động	20 - 30	
	Không có biển báo an toàn; không có phương tiện che chắn		
	Không mua các loại bảo hiểm theo quy định		
	Vi phạm quy định về phá dỡ công trình xây dựng	30 - 40	
c	Về quản lý chất lượng công trình xây dựng		Điều 27
	Xây dựng không kiểm tra vật liệu xây dựng hoặc cấu kiện xây dựng theo quy định hoặc sử dụng kết quả kiểm tra của các phòng thí nghiệm chưa được hợp chuẩn	10 - 15	
	Không lập bản vẽ hoàn công theo quy định hoặc lập bản vẽ hoàn công không đúng thực tế thi công		
	Không có nhật ký thi công theo quy định		
	Không lập, lưu trữ tài liệu quản lý chất lượng theo quy định	15 - 20	
	Vi phạm các quy định về bảo hành công trình		

	Sử dụng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, thiết bị công nghệ không có chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định	10 - 20	
	Không có hệ thống quản lý chất lượng	80 - 100	
	Không tổ chức giám sát thi công xây dựng		
5	Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình		Điều 28
	Không thực hiện công việc giám sát thi công xây dựng đúng hợp đồng đã ký kết	20 - 30	
	Ký hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng để thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát		
	Làm sai lệch kết quả giám sát	40 - 50	
6	Tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng		Điều 29
	Hoạt động kiểm định chất lượng không đủ điều kiện năng lực theo quy định	30 - 40	
	Thực hiện việc chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng không đúng trình tự, thủ tục quy định		
7	Phòng thí nghiệm		Điều 29
	Hoạt động thí nghiệm không đủ điều kiện năng lực theo quy định	30 - 40	
	Thực hiện các thí nghiệm, cung cấp các số liệu, kết quả thí nghiệm không đúng quy định		
	Không lưu giữ hồ sơ trong quá trình thí nghiệm, phiếu nhận mẫu và phiếu kết quả thí nghiệm theo quy định		
8	Nhà thầu tư vấn thẩm tra		Điều 29
	Hoạt động thẩm tra không đủ điều kiện năng lực theo quy định	30 - 40	
	Thực hiện thẩm tra không đúng quy định		
	Báo cáo kết quả thẩm tra không chính xác		